

Biểu số 03: KẾ HOẠCH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT
(kèm theo Quyết định số: 135 /QĐ-UBND ngày 25 tháng 02 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính								
				Thị trấn Măng Đen	Xã Măng Cành	Xã Hiếu	Xã Pờ Ê	Xã Ngọc Tem	Xã Đăk Tăng	Xã Măng Bút	Xã Đăk Ring	Xã Đăk Nên
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN	403,18	189,39	22,12	27,55	19,48	78,38	13,31	13,38	23,41	16,16
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	4,34	1,02	-	0,88	1,78	0,62	-	-	0,04	-
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	114,56	26,41	11,30	12,75	15,20	13,73	6,60	6,88	11,25	10,44
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	107,47	29,19	6,32	11,77	2,00	28,44	6,21	6,50	11,32	5,72
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN	20,48	-	-	-	-	20,48	-	-	-	-
1.5	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	152,39	128,96	4,50	2,02	0,50	15,11	0,50	-	0,80	-
1.6	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	0,16	0,03	-	0,13	-	-	-	-	-	-
1.7	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN	3,78	3,78	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		264,00	104,00	-	-	160,00	-	-	-	-	-
	Trong đó:											
2.1	Đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp khác không phải là rừng	RSX/NKR(a)	264,00	104,00	-	-	160,00	-	-	-	-	-
3	Chuyển đổi đất phi nông nghiệp giao đất không thu tiền hoặc giao đất có thu tiền hoặc thuê đất		1,37	1,37	-	-	-	-	-	-	-	-

Ghi chú: Đối với các loại đất cần có ý kiến của cơ quan có thẩm quyền trước khi chuyển mục đích sử dụng đất thì chỉ được phép thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép.